TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1183/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 12, ngày 25 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình số 1014/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020, về việc "Xin ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: ông Phạm H A;

Thường trú: 304/9 tổ 9, khu phố 6, phường Thạnh Xuân, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Lê Thị T B.

Thường trú: 203 tổ 5, khu phố 3B, phường Thạnh Lộc, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: ông Phạm H A;

Thường trú: 304/9 tổ 9, khu phố 6, phường Thạnh Xuân, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Lê Thị T B.

Thường trú: 203 tổ 5, khu phố 3B, phường Thạnh Lộc, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm H A và bà Lê Thị T B thuận tình ly hôn.

2.2.Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên Phạm Cẩm Đào sinh ngày 25/6/2008, ông Huân và bà Thúy thỏa thuận giao người con chung cho ông Phạm H A chăm sóc nuôi dưỡng, bà Lê Thị T B không cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: không có.

2.4. Nghĩa vụ chung về tài sản: không có.

2.5. Về án phí HNGĐ: án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng ông Phạm H A tự nguyện nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà ông Phạm H A đã nộp khi khởi kiện theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0105324 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm H A đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm, hoàn lại cho ông Phạm H A số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại cái Điều 6,7 và Điều 19 Luật thi hành án.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 25 Ủy ban nhân dân phường Thạnh Lộc, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/02/2008 cho bà ông Phạm H A và bà Lê Thị T B không còn giá trị sử dụng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THẨM PHÁN

Đào Tiến Trung